DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 1006.2022/QĐ - VPCNCL ngày 27 tháng 12 năm 2022

của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Quản lý Chất lượng và Thử nghiệm**

Laboratory: ***Quality Assurance and Testing Department***

Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Liên Nông Việt Nam**

Organization: ***Agriculture Union VietNam Corporation***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa học**

Field of testing: ***Chemical***

Người quản lý/ *Laboratory management:* **Nguyễn Thế Vũ**

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	**Trần Văn Truyền**	Các phép thử được công nhận/ *Accredited tests*
2.	**Nguyễn Thế Vũ**	Các phép thử được công nhận/ *Accredited tests*

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 981**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **27/12/2025**

Địa chỉ/ *Address*: **Lô E2, đường số 5, KCN Hồng Đạt, Đức Hoà 3, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An**

Địa điểm/*Location:* **Lô E2, đường số 5, KCN Hồng Đạt, Đức Hoà 3, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An**

Điện thoại/ *Tel*: **(0272) 3812499/ 3812599** Fax: **(072) 3774 899**

E-mail: **qa@liennongvn.com** Website: **liennongvn.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 981

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of testing: ***Chemical***

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Thuốc bảo vệ thực vật** ***Pesticide***	Xác định hàm lượng ISOPROTHIOLANE Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of ISOPROTHIOLANE content* *HPLC UV-Vis method*	1%	HD.Lab.Isoprothiolane/ 2019
2.		Xác định hàm lượng HEXACONAZOLE Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of HEXACONAZOLE content* *HPLC UV-Vis method*	1%	HD.Lab.Hexaconazole/ 2019
3.		Xác định hàm lượng NICLOSAMIDE Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of NICLOSAMIDE content* *HPLC UV-Vis method*	1%	HD.Lab.Niclosamide/ 2019
4.		Xác định hàm lượng EMAMECTIN BENZOATE Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of EMAMECTIN BENZOATE content* *HPLC UV-Vis method*	1%	HD.Lab.Ema-Benzoate/ 2019

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
5.		Xác định hàm lượng TRICYCLAZOLE Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of TRICYCLAZOLE content* *HPLC UV-Vis method*	1%	HD.Lab.Tricyclazole/ 2019
6.		Xác định hàm lượng AZOXYSTROBIN Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of AZOXYSTROBIN content* *HPLC UV-Vis method*	1%	HD.Lab.Azoxystrobin/ 2019
7.		Xác định hàm lượng BUPROFEZIN Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of BUPROFEZIN content* *HPLC UV-Vis method*	1%	HD.Lab.Buprofezin/ 2019
8.	**Thuốc bảo vệ thực vật** ***Pesticide***	Xác định hàm lượng CHLORPYRIFOS ETHYL Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of CHLORPYRIFOS ETHYL content* *HPLC UV-Vis method*	1%	HD.Lab.Cholorpyrifos-E/ 2019
9.		Xác định hàm lượng FENOXANIL Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of FENOXANIL content* *HPLC UV-Vis method*	1%	HD.Lab.Fenoxanil/ 2019

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
10.		Xác định hàm lượng IMIDACLOPRID Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of IMIDACLOPRID content* *HPLC UV-Vis method*	1%	HD.Lab.Immidaclo-prid/ 2019
11.		Xác định hàm lượng OXOLINIC ACID Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of OXOLINIC ACID content* *HPLC UV-Vis method*	1%	TCVN 10164:2013
12.		Xác định hàm lượng CYMOXANIL Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of CYMOXANIL content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Cymoxanil/ 2019
13.		Xác định hàm lượng METALAXYL Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of METALAXYL content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Metalaxyl/ 2019
14.		Xác định hàm lượng NITENPYRAM Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of NITENPYRAM content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Nitenpyram/ 2019

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
15.		Xác định hàm lượng PYMETROZINE Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of PYMETROZINE content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Pymetrozine/ 2019
16.	**Thuốc bảo vệ thực vật** ***Pesticide***	Xác định hàm lượng PROPICONAZOLE Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of PROPICONAZOLE content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Propiconazole/ 2019
17.		Xác định hàm lượng PRETILACHLOR Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of PRETILACHLOR content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Pretilachlor/ 2019
18.		Xác định hàm lượng INDOXACARB Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of INDOXACARB content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Indoxacarb/ 2019
19.		Xác định hàm lượng CHLOROTHALONIL Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of CHLOROTHALONIL content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Chlorothalonil/ 2019
20.		Xác định hàm lượng ACETAMIPRID Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of ACETAMIPRID content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Acetamiprid/ 2019

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The Name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
21.		Xác định hàm lượng LAMBDA – CYHALOTHRIN Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of LAMBDA – CYHALOTHRIN content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Lambda –Cyha/ 2019
22.		Xác định hàm lượng SULFUR Phương pháp chuẩn độ *Determination of SULFUR content* *Titration method*	1 %	HD.Lab.Sulfur/ 2019
23.	**Thuốc bảo vệ thực vật** ***Pesticide***	Xác định hàm lượng BIFENAZATE Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of BIFENAZATE content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Bifenazate/ 2019
24.		Xác định hàm lượng SPIRODICLOFEN Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of SPIRODICLOFEN content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Spirodiclofen / 2019
25.		Xác định hàm lượng TOLFENPYRAD Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV-Vis *Determination of TOLFENPYRAD content* *HPLC UV-Vis method*	1 %	HD.Lab.Tolfenpyrad/ 2019
26.		Xác định hàm lượng MANCOZEB Phương pháp chuẩn độ *Determination of MANCOZEB* *Titration method*	1 %	HD.Lab.Mancozeb/ 2019
27.		Xác định hàm lượng PROPINEB Phương pháp chuẩn độ *Determination of* PROPINEB *Titration method*	1 %	HD.Lab.Propineb/ 2019
28.		Xác định khối lượng riêng *Determination of specific gravity*		HD.Lab.XĐTT/ 2019

Ghi chú/ *Note*:

- HD.Lab.xxx: Phương pháp phát triển bởi PTN/*Laboratory's developed method*